TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 5 - 2025
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Bà Đoàn Thị Bẩy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 672/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Văn Thị Tiền C. Sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Anh Đặng Văn D.Sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Văn Văn H, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Văn Thị Tiền C trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Đặng Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/2012 ngày 16/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh D.

- *Về con chung:* Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thảo V, sinh ngày 02/01/2013 và Đặng Phú L, sinh ngày

25/5/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh D.

-*Về tài sản chung:* Chị xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất, diện tích 135m^2, loại đất đô thị tọa lạc tại khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hiện tại phần đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh C1. Quyền sử dụng đất diện tích 80m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn chị yêu cầu được chia ½ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên, chị đồng ý giao đất cho anh D quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị và anh D đã thỏa thuận được phần tài sản chung như sau: Đối với căn nhà và đất tọa lạc tại khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau anh chị đã thống nhất bán và đã dùng tiền này đã thanh toán xong khoản nợ vay cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh C1. Đối với phần đất còn lại chị không yêu cầu giải quyết, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau. Do đó, chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/01/2025 mà chị đã nộp cho Tòa.

- *Về nợ chung:* Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ. Ngoài ra, anh Đặng Văn D còn nợ cha ruột của chị là ông Văn Văn H số tiền 200.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ khoản nợ này. Tuy nhiên, nay chị xác định đối với số tiền vợ chồng nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H và ông H thì vợ chồng đã bán nhà và thanh toán xong hết hai khoản nợ này. Do đó, chị không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án này.

Tại bản tự khai đề ngày 07/01/2025 và đơn yêu cầu độc lập đề ngày 05/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Văn Văn H trình bày:

Vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2024 ông có cho chị C và anh D mượn số tiền 200.000.000 đồng, khi mượn không có làm hợp đồng, thời hạn mượn là 06 tháng kể từ ngày mượn. Nay ông yêu cầu chị C và anh D cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15/4/2025 ông H có đơn xin rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh D và chị C trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, lý do là các đương sự đã thỏa thuận với nhau về số tiền trên. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2025, bị đơn anh Đặng Văn D trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị C kết hôn vào năm 2012.

-Về con chung: Anh và chị C có 02 người con chung tên Đặng Thảo V, sinh năm 2013 và Đặng Phú L, sinh năm 2016. Anh yêu cầu được nuôi con chung là Đặng Phú L, giao con chung là Đặng Thảo V cho chị C nuôi.

-Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm: Nhà và đất tọa lạc tại đường T, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau, diện tích 135m^2. Bốn chân hụi, đã hốt 02 chân, còn lại 02 chân 1.000.000 đồng. Một phần đất diện tích 80m^2 tọa lạc tại huyện N, tỉnh Cà Mau. Đối với phần tài sản chung anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận chia đều với nhau.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền 1.000.000.000 đồng. Nợ ông Văn Văn H số tiền 200.000.000 đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ trên.

Tại bản ý kiến ngày 08/5/2025, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh C1 trình bày:

Ngày 21/11/2023, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh C1 (tên viết tắt H1) có ký với ông Đặng Văn D và bà Văn Thị T Chẳn hợp đồng tín dụng số 33310/23MN/HĐTD. Vào ngày 11/4/2025, ông D bà C đã tất toán hết toàn bộ dư nợ tại H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Văn Thị T Chẳn xin ly hôn với anh Đặng Văn D được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa xét xử bị đơn, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn và ông Văn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Văn Văn H, nhận thấy: Ngày 05/02/2025 ông H có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu chị C và anh D trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15/4/2025 ông H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập trên để các đương sự tự thỏa thuận với nhau. Nhận thấy, đây là sự tự nguyện của ông H và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông H về việc yêu cầu anh D chị C trả số tiền 200.000.000 đồng. Trường hợp sau này có yêu cầu thì ông H được khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thông báo cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H về việc có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tuy nhiên, đến phiên tòa xét xử hôm nay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H vẫn không có yêu cầu và có văn bản ý kiến xác định chị C và anh D đã tất toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết và không đưa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh D và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là thực tế có xảy ra. Chị C cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh D. Đối với anh D không có ý kiến đồng ý hay không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án mặt dù biết chị C xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn

không có ý hàn gắn hôn nhân của anh chị. Tư đó cho thấy anh D không có thiện ý hàn gắn cuộc hôn nhân của anh chị nữa.

Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C cho chị được ly hôn với anh D.

[5] Về con chung: Anh D và chị C xác định anh chị có 02 con chung tên Đặng Thảo V, sinh ngày 02/01/2013 và Đặng Phú L, sinh ngày 25/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án chị C có yêu cầu nuôi 02 con chung, anh D có yêu cầu nuôi con chung là Đặng Phú L và giao con chung là Đặng Thảo V cho chị C nuôi, cả hai anh chị đều không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 02/4/2025, hai cháu Đặng Thảo V và Đặng Phú L đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Văn Thị Tiền C.

Nhận thấy, anh D có yêu cầu nuôi cháu Đặng Phú L nhưng nguyện vọng của cháu L muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo về mặt tinh thần cũng như mọi mặt về đời sống nên cần giao cháu L và cháu V cho chị C nuôi dưỡng, điều này cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị C có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất diện tích 135m^2, loại đất đô thị tọa lạc tại khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quyền sử dụng đất diện tích 80m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, ngày 17/3/2025, chị C có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia hai tài sản trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Văn Thị T Chẳn đối với hai phần tài sản trên. Trường hợp sau này có yêu cầu thì chị C có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Đối với anh D tại bản tự khai ngày 07/01/2025 ông D xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về phần tài sản chung trong vụ án này.

[7] Về nợ chung: Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng khai có nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền 1.000.000.000 đồng. Chị C và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H xác định chị C và anh D đã thanh toán nợ xong khoản nợ cho H1. Ông H có đơn rút yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết theo yêu cầu của chị C và anh D về việc yêu cầu chia đôi số nợ là phù hợp. Đồng thời, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông H như phân tích ở mục [2] là phù hợp.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí chia tài sản chung: Do nguyên đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung nên số tiền án phí nguyên đơn dự nộp được nhận lại toàn bộ.

Án phí yêu cầu độc lập: Ông Văn Văn H rút yêu cầu độc lập. Trước đây ông Văn Văn H được miễn dự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273, điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị T Chẳn cho chị C ly hôn với anh Đặng Văn D.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Đặng Thảo V, sinh ngày 02/01/2013 và Đặng Phú L, sinh ngày 25/5/2016 cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3/ Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4/ Nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Văn Văn H về việc yêu cầu anh Đặng Văn D và chị Văn Thị Tiền C trả số tiền 200.000.000 đồng.

Đương sự được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

5/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Văn Thị T Chẳn đối với phần tài sản chung là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất diện tích 135m^2, loại đất đô thị tọa lạc tại khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quyền sử dụng đất diện tích 80m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Văn Thị Tiền C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 12/12/2024 chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0009920 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Án phí chia tài sản chung: Ngày 17/02/2025 chị Văn Thị Tiền C đã dự nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo lai số 0010307 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ú